

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 409/2026/DS-PT
Ngày: 12 - 5 - 2026
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lưu Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:** Bà Trần Thị Đ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp: "hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp được sửa chữa, bổ sung Quyết định số 04/2025/QĐ-SCBCBA ngày 24/10/2025 bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 790/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà A, đường A, Tổ D, Khóm E, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: số F N, tổ B khóm H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:**

2.1 Chị **Dương Thị L**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp G, xã P, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt);

2.2 Anh **Lê Minh C**, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã Đ, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Lê Minh C: luật sư Nguyễn Thị Tuyết T- Đoàn luật sư tỉnh Đ. Có mặt

3. *Người kháng cáo:* bị đơn anh Lê Minh C

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm: *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị N trình bày:*

Vợ chồng ông C, bà L ở cùng xóm (ngang cửa) nên bà N quen biết. Vì tin tưởng nên bà N cho vợ chồng ông C vay tiền nhiều lần. Nay, bà L và ông C còn nợ cụ thể như sau:

- Ngày 30/11/2023, ông Lê Minh C và bà Dương Thị L vay của bà Đặng Thị N 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng 5%/tháng, Hẹn qua tết âm lịch năm 2023 sẽ trả. Khi đến hạn, bà L xin gia hạn ngày trả tiền, xin đóng lãi cho đến khi trả xong nợ.

- Ngày 06/6/2024, bà L hỏi vay 200.000.000 đồng, bà N đưa tiền mặt, không làm biên nhận nhưng bà L xác nhận đã nhận đủ tiền qua Zalo và chuyển chuyển khoản số tiền 140.000.000 đồng vào tài khoản số 69110000143629 (Ngân hàng B, chủ tài khoản là Dương Thị L), do chuyển khoản nên không làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, không hẹn thời gian trả.

- Ngày 18/6/2024, bà N chuyển 100.000.000 đồng qua số tài khoản 69110000143629 (Ngân hàng B, chủ tài khoản là Dương Thị L), do chuyển khoản nên không làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, không hẹn thời gian trả.

Mục đích bà L, ông C vay tiền để làm ăn, bà L và ông C đóng lãi đến ngày 21/6/2024 là ngưng (do đóng lãi không đủ tháng, đủ tiền và trả lần hồi nên bà N không nhớ rõ nhận tiền lãi bao nhiêu).

Đến ngày 18/7/2024 bà N yêu cầu bà L, ông C lo trả đủ 500.000.000 đồng. Ông C hứa trả trước 100.000.000 đồng nhưng không trả.

Sau đó bà N thưa bà L, ông C đến cơ quan ông C làm việc yêu cầu trả nợ, được lãnh đạo cơ quan can thiệp, cá nhân ông C đồng ý thỏa thuận trả dần cho bà N số tiền cùng vay với bà L 200.000.000 đồng. Ban Dân quân tự vệ của Phòng tham mưu tỉnh đội Đồng Tháp lập biên bản vào ngày 23/01/2025, hình thức để Ban Tài chính Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ giữ lại 10.000.000 đồng hàng tháng của ông C để trả nợ cho bà N. Bà N trực tiếp đến đơn vị ông C nhận tiền vào đầu tháng trước ngày 10 hàng tháng. Bà N đã nhận tiền từ tháng 02 năm 2025 đến tháng 05 năm 2025 với số tiền 40.000.000 đồng. Đến tháng 6 năm 2025 ông C nghỉ việc nên đơn vị đã không trừ lương của ông C trả nợ cho bà N đến nay. Hiện còn nợ gốc số tiền 160.000.000 đồng.

Riêng số tiền 300.000.000 đồng chưa thỏa thuận nhưng ông C đã thừa nhận, hứa cùng bà L có trách nhiệm trả nợ cho bà N. Lời hứa được thể hiện qua tin nhắn zalo ngày 19/7/2024.

Hiện nay ông C và bà L còn nợ gốc 460.000.000 đồng. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu ông Lê Minh C và bà Dương Thị L cùng liên đới trả tổng số tiền vay nợ gốc là 460.000.000 đồng. Bà N yêu cầu ông Lê Minh C và bà Dương Thị L cùng liên đới trả lãi 27.998.000 đồng (tạm tính từ ngày 10/6/2025 đến ngày 30/9/2025 là 03 tháng 20 ngày, lãi suất 1,66%/tháng). Yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi trả xong nợ.

* Tại phiên tòa bà Đặng Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lê Minh C và bà Dương Thị L cùng liên đới trả số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng, tiền lãi 32.325.000 đồng (tính từ ngày 10/6/2025 đến ngày 17/10/2025 là 4 tháng 07 ngày, mức lãi suất 1,66%/tháng). Yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi trả xong nợ.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn khởi kiện phản tố của bị đơn ông Lê Minh C trình bày:**

Ông C không đồng ý yêu cầu của bà N. Ông C và bà L trước đây là vợ chồng, nhưng đã ly hôn và có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian chung sống với bà L thì việc bà L vay nợ của bà N thì ông C hoàn toàn không hay biết. Bởi vì, thời gian từ tháng 02 năm 2024 đến tháng 8 năm 2024 ông C học tập trung ở Trường S của Bộ Q (Đồng Nai). Trong thời gian này bà N cho rằng cho L mượn 300.000.000 đồng, số tiền này sau này ông C mới biết bà L mượn để cho bà Thúy L3 vay lại nhưng bà L3 sau đó bị khởi tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, riêng số tiền của L cho bà L3 vay lại là 6,4 tỷ.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng do bà L mượn của bà N để mở cơ sở kinh doanh Spa, số tiền này mượn nhiều lần nhưng đến ngày 30/11/2023 bà N mới đến kêu ông C và bà L phải ký biên nhận nợ. Sau đó bà N thưa ông C nhiều lần nơi ông C công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Tháp số tiền 500.000.000 đồng, nhưng lãnh đạo đơn vị qua nhiều lần xác minh và làm việc trực tiếp với ông C và bà N thì bà N cũng thừa nhận phần nợ ông C ký nhận là 200.000.000 đồng và thống nhất cho ông C trả dần hàng tháng từ tháng 02 năm 2025 mỗi tháng 10.000.000 đồng, thông qua trừ lương của ông C. Ông C và bà N cùng viết bản cam kết ngày 23/01/2025 có đại diện đơn vị ông C xác nhận. Ông C trả được 04 tháng, từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2025 thì bà N tiếp tục gửi đơn thưa tại đơn vị ông C nên ông C mới ngưng việc chi trả do bà N vi phạm cam kết.

Như vậy, số tiền 200.000.000 đồng ông C có ký tên cùng bà L trả nợ cho bà N thì ông C thừa nhận khoản nợ này là nợ chung. Số tiền này ông C đã

trả gốc được 40.000.000 đồng, như vậy phần ông C có trách nhiệm trả cho bà N 100.000.000 đồng, phần L có trách nhiệm trả cho bà N 100.000.000 đồng, phần ông C tiếp tục trả nợ cho bà N số tiền 60.000.000 đồng.

Ông C yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh lại số tiền lãi ông C và bà L đã đóng cho bà N vượt quá quy định về lãi cụ thể:

- Đối với các khoản tiền bà L chuyển khoản cho bà N cụ thể:

+ Ngày 22/12/2023 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 16/11/2023 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 03/02/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng (chung trong số tiền 105.000.000 đồng).

+ Ngày 07/02/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng (chung trong số tiền 108.000.000 đồng).

+ Ngày 03/3/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 01/4/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 16/4/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng (chung trong số tiền 14.000.000 đồng).

+ Ngày 02/5/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 10.000.000 đồng (trong số tiền 17.600.000 đồng).

+ Ngày 04/6/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 10.000.000 đồng (trong số tiền 28.900.000 đồng).

Ngoài ra, bà L có trả tiền mặt để đóng lãi cho bà N 15.000.000 đồng. Tổng số tiền đã đóng lãi là 70.000.000 đồng.

Đối với số tiền L vay 300.000.000 đồng của bà N không dùng vào nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, cả bà N và bà L cũng không cho ông C biết nên ông C không có nghĩa vụ phải liên đới trả nợ.

* Tại phiên tòa ông Lê Minh C xin rút lại toàn bộ đối với yêu cầu phản tố số tiền lãi đóng 70.000.000 đồng. Lý do, về số tiền lãi đã đóng nếu tính theo mức lãi theo quy định từ ngày 30/11/2023 đến nay thì số tiền lãi tương đương với số tiền đã đóng nên ông C xin rút lại yêu cầu phản tố.

Ông C không đồng ý liên đới cùng bà L trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà N.

Ông C đồng ý liên đới cùng bà L trả cho bà N số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng, phần ông C còn phải trả là 60.000.000 đồng và lãi với mức lãi 1,66%/tháng, tính lãi từ ngày 10/6/2025 đến khi xét xử. Lý do ông C đồng ý trả tiếp 60.000.000 đồng vì ông C đã trả cho bà N được 40.000.000 đồng nợ gốc thông qua trừ lương của ông C.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn khởi kiện phản tố của bị đơn bà Dương Thị L trình bày:**

- Bà L yêu cầu Tòa án xem xét lại số tiền vay 200.000.000 đồng bà L vay của bà N ngày 30/11/2023 có chữ ký của ông Lê Minh C. Số tiền này bà L đã trả lãi hàng tháng 5% cho bà N, tức mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 30/12/2023 đến ngày 30/6/2024, tổng số tiền 70.000.000 đồng, bà L yêu cầu Tòa án điều chỉnh lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền trên.

- Đối với các khoản tiền lãi bà L đã chuyển khoản cho N cụ thể:

+ Ngày 22/12/2023 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 16/11/2023 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 03/02/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng (chung trong số tiền 105.000.000 đồng).

+ Ngày 07/02/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng (chung trong số tiền 108.000.000 đồng).

+ Ngày 03/3/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 01/4/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 16/4/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng (chung trong số tiền 14.000.000 đồng).

+ Ngày 02/5/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 10.000.000 đồng (trong số tiền 17.600.000 đồng).

+ Ngày 04/6/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 10.000.000 đồng (trong số tiền 28.900.000 đồng).

Ngoài ra, bà L có trả tiền mặt đóng lãi cho bà N 15.000.000 đồng. Tổng số tiền đóng lãi cho bà N là 70.000.000 đồng.

Sau khi điều chỉnh lãi theo quy định thì bà L đồng ý chia đôi số tiền nợ này với ông C để trả cho bà N.

- Ngoài ra, trong số tiền 300.000.000 đồng bà N kiện bà L và ông C cùng liên đới trả nợ. Bà L thừa nhận số tiền này do bà L vay của bà N, vay với tư cách cá nhân, không liên quan đến ông C. Bà L xác định số tiền này bà L vay để cho bà L3 vay lại để đảo nợ Ngân hàng nhằm mục đích vì lợi nhuận cao hơn mức lãi vay của bà N. Ông C hoàn toàn không biết về số tiền nợ này.

Trong quá trình vay tiền thì bà L có chuyển khoản trả cho bà N qua các lần như sau:

+ Ngày 30/8/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 10.000.000 đồng

+ Ngày 06/11/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

+ Ngày 19/11/2024 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 20.000.000 đồng.

+ Ngày 10/3/2025 bà L chuyển khoản cho bà N số tiền 5.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền này là bà L xác định chuyển khoản cho bà N để trả nợ gốc, không phải trả lãi, do bà L không còn khả năng chi trả nên bà L xin trả dần nợ gốc và được bà N đồng ý.

Bà N cho rằng số tiền chuyển khoản ngày 30/8/2025 là tiền bà L trả riêng khoản vay khác là hoàn toàn không đúng.

Bà L đồng ý trả số tiền cho bà N số tiền 300.000.000 đồng – 40.000.000 đồng = 240.000.000 đồng, xin không trả lãi.

* Tại phiên tòa bà Dương Thị L xin rút lại đối với yêu cầu phản tố số tiền lãi đóng 110.000.000 đồng. Lý do, về số tiền lãi đã đóng nếu tính theo mức lãi theo quy định từ ngày 30/11/2023 đến nay thì số tiền lãi tương đương với số tiền đã đóng nên bà L xin rút lại yêu cầu phản tố.

Đồng ý liên đới cùng ông C trả cho bà N số tiền gốc 160.000.000 đồng và lãi với mức lãi 1,66%/tháng, tính từ ngày 10/6/2025 đến ngày xét xử. Đồng ý trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng cho bà N và lãi, mức lãi 1,66%/tháng, tính từ ngày 10/6/2025 đến ngày xét xử.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37, Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án được sửa chữa, bổ sung Quyết định số 04/2025/QĐ-SCBCBA ngày 24/10/2025.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

Buộc ông Lê Minh C và bà Dương Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị N số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng, tiền lãi 32.325.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Lê Minh C và bà Dương Thị L đối với bà Đặng Thị N về số tiền 110.000.000 đồng.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 17/10/2025 ông Lê Minh C và bà Dương Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị N được nhận lại số tiền 11.534.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002239 ngày 08/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Minh C và bà Dương Thị L cùng liên đới chịu 23.693.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

* Ngày 27 tháng 10 năm 2025, anh Lê Minh C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc liên đới đối với khoản vay 300 triệu và án phí sơ thẩm.

* Ngày 29 tháng 10 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSKV6-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C và bà L liên đới trả số tiền nợ 160.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; buộc bà L có trách nhiệm trả số tiền 300.000.000 đồng và lãi phát sinh.

* Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Minh C phát biểu và đề nghị: thời gian bà L vay tiền là trong thời gian ông C đi học tập trung ở Đồng Nai, tự bà L vay mượn, không C không biết và tại biên bản làm việc của Ban chỉ huy thì bà N cũng thừa nhận ông C không biết khoản vay 300.000.000 đồng. Số tiền trên là bà L vay để đưa cho bà L3, bà L2 không phải sử dụng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, hàng tháng ông C đi học đều có chuyển tiền về để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Do đó án sơ thẩm buộc ông C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn 300.000.000 đồng là chưa có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C không buộc ông C cùng liên đới trả số tiền vốn 300.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của anh C nộp trong thời hạn và đúng thủ tục nên hợp lệ.

Về nội dung: tại bản cam kết trả nợ ngày 23/01/2025 thì ông C đã cam kết bằng phương thức trừ lương hàng tháng của ông C mỗi tháng 10.000.000 đồng

để trả cho bà N khoản tiền 200.000.000 đồng và bà N đồng ý. Án sơ thẩm buộc ông C, bà L liên đới trả số tiền 160.000.000 đồng là chưa phù hợp. Nghĩa vụ trả nợ số tiền 160.000.000 đồng là của một mình ông C. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc ông C, bà L liên đới trả số tiền vốn 300.000.000 đồng và tiền lãi: ông C và bà L đã có quyết định thuận tình ly hôn ngày 08/01/2025, tại biên bản ngày 23/01/2025 của Ban dân quân tự vệ Phòng tham mưu giải quyết khiếu nại của bà N thì đối với khoản nợ 300.000.000 đồng ông C không biết và tiền bà L nhận là để trả cho bà L3, bà L2. Cấp sơ thẩm nhận định đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân phục vụ nhu cầu thiết yếu để buộc ông C là nghĩa vụ liên đới là chưa có căn cứ. Đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông C trả số tiền 160.000.000 đồng, bà L trả số tiền 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Dương Thị L vắng mặt lần 2. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh “hợp đồng vay tài sản” đúng theo quy định Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tụng dân sự.

[4] Đơn kháng cáo của bị đơn Lê Minh C, kháng nghị của Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án: Ngày 27 tháng 10 năm 2025, anh Lê Minh C kháng cáo không đồng ý liên đới trả số tiền vốn 300.000.000 đồng. Với căn cứ anh không biết khoản vay này và thời gian chị L vay là anh đi học, chị L vay khoản vay trên không nhằm mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu trong gia đình mà là để đưa cho chị Dương Thị L2, hàng tháng anh đều có gửi tiền về để lo cho con và gia đình.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSKV6-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm. Với các căn cứ: khoản vay trên được vay trong thời gian anh C đang đi học tập trung tại Đồng Nai nên không biết được việc chị L vay khoản vay 300.000.000 đồng, và bà N thừa nhận tại biên bản ngày 11/9/2024 là anh C không biết khoản vay

trên, chị L vay khoản vay trên để trả cho bà Nguyễn Thị Thúy L3, Dương Thị L2 và bị bà L3 lừa hết khoản tiền trên, không phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của anh C và kháng nghị của viện kiểm sát:

Nguyên đơn bà Đặng Thị N căn cứ các tài liệu chứng cứ: Ngày 06/6/2024, bà N đưa tiền mặt 60.000.000 đồng và chuyển chuyển khoản số tiền 140.000.000 đồng vào tài khoản số 69110000143629 (Ngân hàng B, chủ tài khoản là Dương Thị L), ngày 18/6/2024, bà N chuyển 100.000.000 đồng qua số tài khoản 69110000143629 (Ngân hàng B, chủ tài khoản là Dương Thị L) để yêu cầu ông C, bà L cùng liên đới trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 21.082.000 đồng (tính từ ngày 10/6/2025 đến ngày 17/10/2025, mức lãi suất 1,66%/tháng, là 04 tháng 07 ngày), tiếp tục tính lãi đến khi trả xong số tiền nợ, về mức lãi bà N yêu cầu 1,66%/tháng.

Các lần chuyển khoản và nhận tiền mặt trên được bà L thừa nhận tại phiên tòa. Tuy nhiên, bà L và ông C cho rằng việc bà L vay số tiền 300.000.000 đồng thì ông C hoàn toàn không biết nên ông C không đồng ý liên đới trả nợ.

Lời trình bày của ông C và kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng đối với khoản vay 300.000.000 đồng phát sinh trong thời gian: Từ ngày 06/6/2024 và ngày 18/6/2024, thời gian ông C được cử đi học trung cấp lý luận chính trị tập trung từ tháng 02/2024 đến 08/2024 tại Trường S Bộ Q (Đồng Nai) nên việc ông C trình bày không biết, không liên quan đối với khoản vay này là có căn cứ.

Xét, khoảng thời gian trên là khoảng thời gian ông C đi học, hôn nhân giữa anh C với chị L vẫn đang tồn tại, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó không thể lấy lý do là đi học thì không thể không quan tâm, không biết gì về cuộc sống của vợ chồng trong thời gian đi học.

Theo lời trình bày của bà N tại biên bản xác minh việc vay, mượn nợ của Phòng trực ban Bộ CHQS tỉnh Đ ngày 11/09/2024: “thì lý do cho chị N mượn thêm 300.000.000 đồng không có chữ ký của chồng cô L vì nghĩ rằng hai vợ chồng đã đồng lòng mượn tiền làm ăn nên tôi mới cho mượn thêm”.

Lời trình bày của anh C và căn cứ kháng nghị đều nêu là anh C biết khoản vay trên nhưng cho rằng đưa cho bà Nguyễn Thị Thúy L3 vay đáo hạn và bị bà Thúy L3 giật và đã tố cáo ra cơ quan công an, nên đây không phải là phục vụ nhu cầu thiết yếu. Chị L thừa nhận số tiền này chị L vay của bà N để cho người khác vay lại với mục đích vì lợi nhuận trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời tại Vi bằng số 122/2025/VB-TPLSĐ ngày 10/6/2025 của Văn phòng T1 thể hiện tin nhắn giữa bà N và ông C (BL 53) cũng thể hiện nội dung bà N nhắn “*Trước sao đưa cho vợ chồng em 500 triệu. Tiền của chị có 200 triệu trước đó đưa có em. Sao vợ em lấy thêm 300 triệu chị không có tiền chị đi mượn bạn chị đưa cho vợ em. Vợ em biết chị đi mượn tiền dùm mà*”, nội dung số điện thoại 0975501052 trả lời “*Dạ e biết số tiền này, vợ e có nói e nghe. Thống nhất thôi chị*”. Như vậy, ông C thống nhất với bà N về số tiền nợ 500.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông C

cũng thừa nhận số điện thoại 0975501052 và nội dung tin nhắn trên là của ông C.

Do đó, việc Tòa án sơ thẩm nhận định khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do một bên thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên xác định là nợ chung, ông C phải có nghĩa vụ liên đới theo quy định tại Điều 27, 33, 37 Luật HNGĐ năm 2014 là có căn cứ phù hợp theo khoản 3 Điều 44, khoản 3 Điều 45 Luật HNGĐ.

Theo quy định tại Điều 37 của về cách xác định nợ chung trong thời kỳ hôn nhân như sau:

- Khoản nợ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

- Khoản nợ phát sinh từ giao dịch do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình;

Tại Điều 27 của L quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng như sau:

- Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của

- Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của

Ông C và bà L đã có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, tại Quyết định có ghi về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, tại thời điểm ông C và bà L ly hôn thì tự thỏa thuận về nợ chung và tài sản chung, không có ý kiến của bà N về nợ trong quá trình giải quyết ly hôn, điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N, vì phần nợ này được vay từ năm 2023, năm 2024.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 60 của L quy định về các nghĩa vụ trả nợ sau khi ly hôn của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực. Như vậy, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ phải cùng nhau trả nợ chung nên đối với yêu cầu của bà N về việc buộc ông C, bà L cùng có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền nợ gốc là 460.000.000 đồng, trong đó có khoản nợ 300.000.000 đồng, tiền lãi 32.325.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo qui định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh C kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới ngoài những tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C.

Đối với việc án sơ thẩm tuyên “Kể từ ngày tiếp theo của ngày 17/10/2025 ông Lê Minh C và bà Dương Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản

tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Trừ trường hợp các đương sự có thỏa thuận khác” là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại phần này.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm các bên đồng ý không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[8] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C không có căn cứ, không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 không có căn cứ, không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí: ông C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Minh C.

Không chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKSKV6-DS của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2025/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp được sửa chữa, bổ sung Quyết định số 04/2025/QĐ-SCBCBA ngày 24/10/2025.

Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37, Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

Buộc ông Lê Minh C và bà Dương Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị N số tiền nợ gốc 460.000.000 đồng, tiền lãi 32.325.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Lê Minh C và bà Dương Thị L đối với bà Đặng Thị N về số tiền 110.000.000 đồng.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đồng Tháp.

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị N được nhận lại số tiền 11.534.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002239 ngày 08/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Minh C và bà Dương Thị L cùng liên đới chịu 23.693.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Minh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006105 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 6 - Đồng Tháp;
- TAND khu vực 6 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đồng Tháp;
- THADS Tỉnh;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyền

